

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09/9/2021

Về việc ly hôn, giải quyết nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vui, ông Trần Văn Chiu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, giải quyết nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 63/2021/TB-TA ngày 26/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1984; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 05 L, tổ dân phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Phạm Xuân T, sinh năm 1986; (vắng mặt).

Địa chỉ: 05 L, tổ dân phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân T trình bày:*

Chị T và anh T qua thời gian tìm hiểu, hai bên tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/6/2009. Sau khi kết hôn chị T và anh T sống chung với mẹ chồng tại số nhà 05 L, tổ dân phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau tuy cũng có lúc va chạm, mâu thuẫn nhưng cũng chỉ là những mâu thuẫn bình thường trong gia đình. Tuy nhiên, từ năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do anh T ghen tuông linh tinh, thường

xuân nhậu nhẹt, không quan tâm vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mỗi lần nhậu về là anh T lại chửi bới vợ con, thậm chí còn đánh chị T. Trong đó có 04 lần anh T đánh chị T dẫn đến chị T phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn K, xã H, huyện C là vào khoảng 9/2016, tháng 6/2019, tháng 6/2020 chị T và 02 con đã về nhà bố mẹ đẻ chị T ở khoảng hơn 01 tháng, chị T có lên Tòa án nhân dân huyện Lắc để làm đơn giải quyết ly hôn thì anh T lên nhà bố mẹ chị T xin lỗi, hứa hẹn sẽ thay đổi nên vì nghĩ con cần có đủ cha mẹ nên chị T đã tha thứ cho anh và về lại nhà tại thôn H, thị trấn L ở; tuy nhiên anh T vẫn chứng nào tật đấy không thay đổi, ngày 16/02/2021 anh T lại đánh chị T, do không chịu đựng được nữa nên chị T và 02 con đã về nhà bố mẹ chị T tại huyện C ở từ đó đến nay, hàng ngày chị T và hai con đi xe buýt xuống huyện L, chị T ra chợ buôn bán, hai con đi học. Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, ngày 22/3/2021 khoảng 14 giờ anh T ra chợ chửi bới, đuổi đánh chị T.

Ngoài ra, anh T còn hay ghen tuông linh tinh, do chị T buôn bán rau ở ngoài chợ, tiếp xúc với nhiều người nên anh T hay ghen. Thấy chị T nói chuyện, hay bán hàng cho đàn ông là anh T lại gây chuyện, chửi bới, xúc phạm chị T với những lời tục tĩu khó nghe, anh còn đuổi cả khách đang mua hàng, có lần anh còn tát chị T ở chợ do chị T mua hàng của một người đàn ông để bán lại. Những mâu thuẫn trên đã diễn ra nhiều năm, chị T cũng đã tha thứ cho anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn tính nết nào tật đó không thay đổi thường xuyên đánh chị T và ghen tuông ảnh hưởng đến tâm lý, công việc của chị T, ảnh hưởng đến các con. Mỗi lần anh T đi nhậu là chị T cảm thấy lo lắng, sợ sệt vì về sẽ đánh chị T. Các con đi học thì bị cô phạt vì ngủ gật trên lớp do anh T đi nhậu về là chửi bới vợ con, đánh chị T nên 02 con lo sợ không ngủ được, 02 cháu lên lớp ngủ gật. Chị T ra chợ bán hàng thì mỗi lần bán cho đàn ông thì sợ anh T nhìn thấy hoặc ai đó về nói lại nên khi nào chị T cũng cảm giác lo lắng, bất an và sợ.

Mặt khác, hiện nay chị T không còn tình cảm gì với anh T, mâu thuẫn như trên đã diễn ra nhiều năm nay, vợ chồng không thể hàn gắn vì có về chung sống với nhau cũng không thể hạnh phúc, chị T luôn sống trong lo lắng, bất an, sợ sệt. Vì vậy, nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T vì những nguyên nhân trên để chị T và các con ổn định tâm lý, chị T yên tâm làm ăn, các con yên tâm học hành.

Về con chung: Chị T, anh T có hai con chung là cháu Phạm Quốc T, sinh ngày 02/6/2010 và Phạm Kim A, sinh ngày 12/3/2014. Nguyên vọng của chị T là được nuôi 02 con, các cháu đều có nguyện vọng ở với chị T, trước giờ các cháu do chị T chăm sóc, hiện các cháu đang ở với chị T. Về cấp dưỡng nuôi con thì chị T buôn bán ở chợ thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 06 – 07 triệu đồng, chị T và 02 con hiện nay đang ở nhà bố mẹ đẻ của chị T ở huyện C nên ông bà ngoại phụ giúp chị T trong việc chăm sóc, nuôi 02 cháu nên chị T đủ khả năng nuôi 02 con, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, mặt khác từ trước đến nay anh T không lo phụ giúp chị T tài chính, sinh hoạt trong gia đình. Sau này anh T muốn cấp dưỡng nuôi con như thế nào thì chị T và anh T tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết..

** Tại bản tự khai ngày 27/4/2021 bị đơn anh Phạm Xuân T trình bày:*

Anh T và chị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn anh chị có hai con một trai, một gái. Anh T rất yêu thương vợ con, cố gắng làm ăn để lo cho gia đình, anh hết lòng, hết tâm huyết yêu thương vợ con nhưng trong hôn nhân và hạnh phúc đôi lúc vợ chồng có những chuyện chưa hiểu rõ ý kiến của nhau. Anh T không ghen lung tung vì lúc nào anh cũng tin, trân trọng vợ mình. Ý kiến của chị T là suy nghĩ từ phía vợ, vợ chồng đôi lúc nói chuyện không hiểu ý nhau. Nhiều lúc anh T im lặng, không tranh cãi để vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn thì vợ cũng khó chịu, anh T đã cố gắng giải thích, nghe lời vợ. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh T không đồng ý ly hôn vì anh T rất yêu và thương vợ con, anh không muốn vợ con khổ, gia đình ly tán mỗi người một nơi, muốn con cái có cha có mẹ.

Về con chung: Anh, chị có hai con chung là cháu Phạm Quốc T, sinh ngày 02/6/2010 và Phạm Kim A, sinh ngày 12/3/2014. Trong trường hợp chị T vẫn cương quyết ly hôn và Tòa đưa ra xét xử, các con muốn ở với ai thì ở, chị T muốn nuôi cả hai con thì anh T đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T chỉ lên Tòa án làm bản tự khai vào ngày 27/4/2021. Mặc dù sau đó Tòa án đã triệu tập anh tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh ở nơi cư trú của anh T, chị T ngày 23/4/2021, đại diện ban tự quản tổ dân phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk cho biết: Anh T và chị T có tổ chức đám cưới và sinh sống tại địa phương từ khi cưới đến nay. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với mẹ chồng tại 05 L, tổ dân phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, vợ chồng anh chị có hai con chung một trai, một gái. Từ khi sinh sống ở địa phương đến nay anh T, chị T không phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp gì dẫn đến việc ban tự quản thôn phải hòa giải hay can thiệp. Còn việc mâu thuẫn hôn nhân của anh chị như thế nào, tình trạng hôn nhân ra sao thì ban tự quản thôn không nắm rõ và không hòa giải liên quan đến hôn nhân của anh chị. Chị T buôn bán rau ở chợ gặp gỡ nhiều người nên anh T có ghen tuông, anh T đi làm thợ còn công việc cụ thể như thế nào, thu nhập của anh T, chị T bao nhiêu thì ban tự quản thôn không biết. Từ Tết năm 2021 chị T và 02 con chuyển lên nhà bố mẹ đẻ chị T ở huyện C từ đó đến nay.

Tòa án nhân dân huyện Lắk đã tiến hành xác minh hàng xóm chị T, anh T và xác minh những người buôn bán xung quanh chị T để xác minh theo Công văn số 12/YC-VKS-DS ngày 14/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk về việc yêu cầu xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ trong vụ án dân sự. Tuy nhiên họ đều từ chối và không đồng ý để Tòa án xác minh vì họ cho rằng đó là việc giữa vợ chồng chị T, anh T, họ không biết và không đồng ý cung cấp thông tin cho Tòa án.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk phát biểu ý kiến:* Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Thẩm phán đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ

thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với anh Phạm Xuân T.

- Về con chung: Giao 02 cháu Phạm Quốc T, sinh ngày 02/6/2010 và Phạm Kim A, sinh ngày 12/3/2014 cho chị Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân T chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Xuân T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh Phạm Xuân T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại 05 L, tổ dân phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắk. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lắk căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết là đúng với quy định của pháp luật.

Xét thấy nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt là thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Phạm Xuân T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08 tháng 6 năm 2009 nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị T, anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ghen tuông linh tinh, không quan tâm, thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà chửi bới, đánh đập chị T làm ảnh hưởng đến tâm lý, công việc của chị T, ảnh hưởng đến các con. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, chị T luôn sống trong lo lắng, bất an, sợ

sệt, ngày 16/02/2021 anh T đánh chị T nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở huyện C từ đó đến nay.

Theo kết quả xác minh tại ban tự quản tổ dân phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, đại diện ban tự quản thôn cho biết: Do chị T buôn bán rau ở chợ gặp gỡ nhiều người nên anh T có ghen tuông. Từ Tết năm 2021 chị T và 02 con chuyển lên nhà bố mẹ đẻ chị T ở huyện C từ đó đến nay.

Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T đã có nhiều mâu thuẫn, vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với anh Phạm Xuân T.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Phạm Quốc T, sinh ngày 02/6/2010 và Phạm Kim A, sinh ngày 12/3/2014. Nguyên vọng của chị T là được nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý để 02 con cho chị T nuôi, nguyên vọng của 02 cháu là muốn ở với chị T. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao 02 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do các bên không yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với anh Phạm Xuân T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Quốc T, sinh ngày 02/6/2010 và Phạm Kim A, sinh ngày 12/3/2014 cho chị Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi

ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0010568 ngày 19/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- Chi Cục THADS huyện L;
- UBND thị trấn L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Tâm